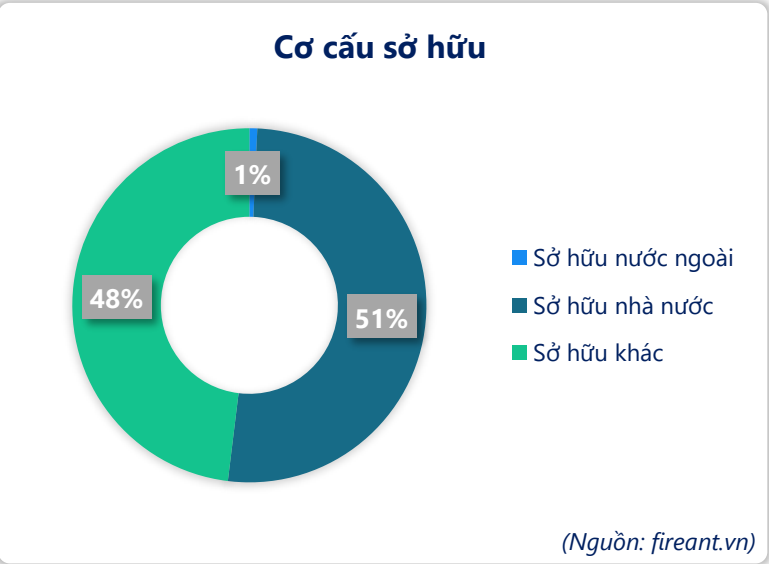
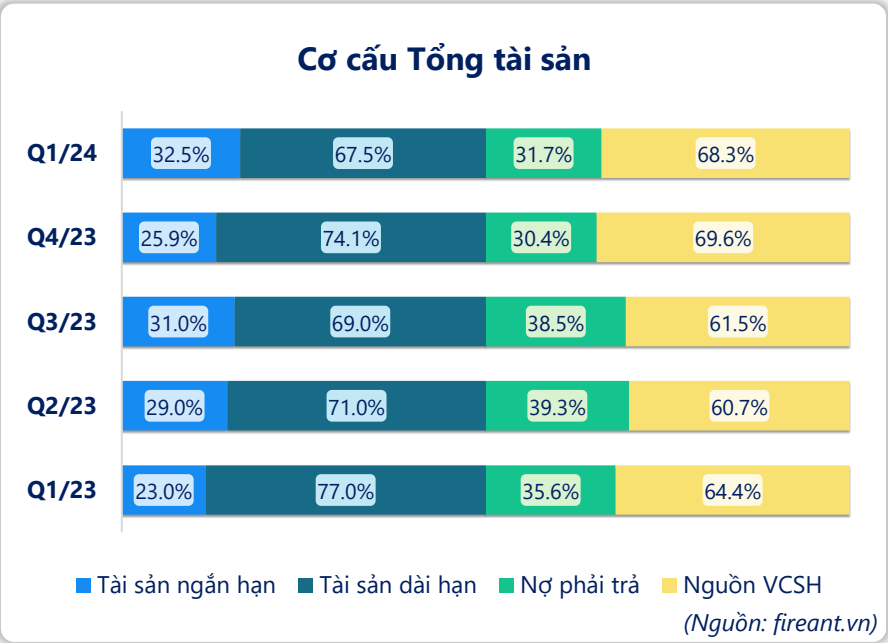
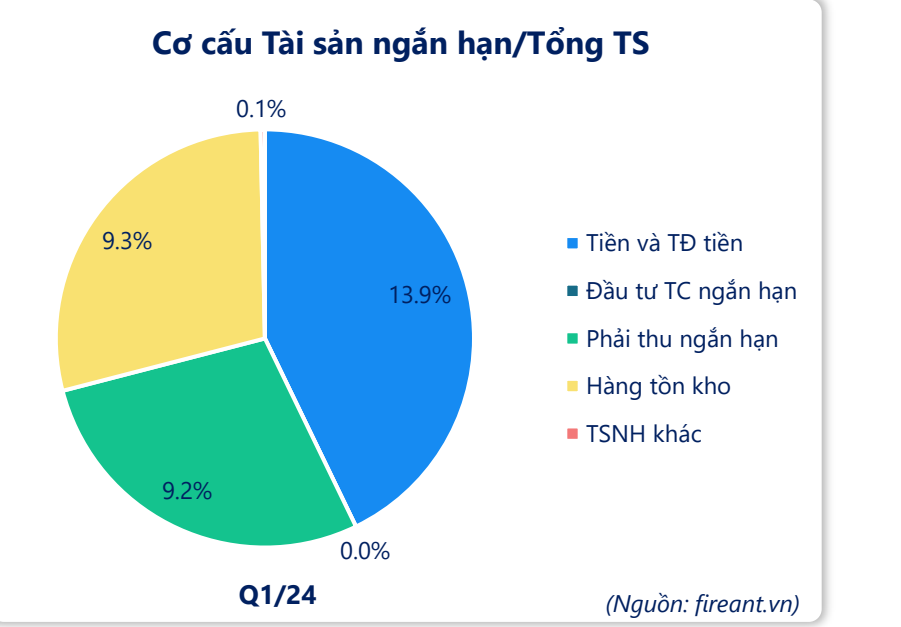
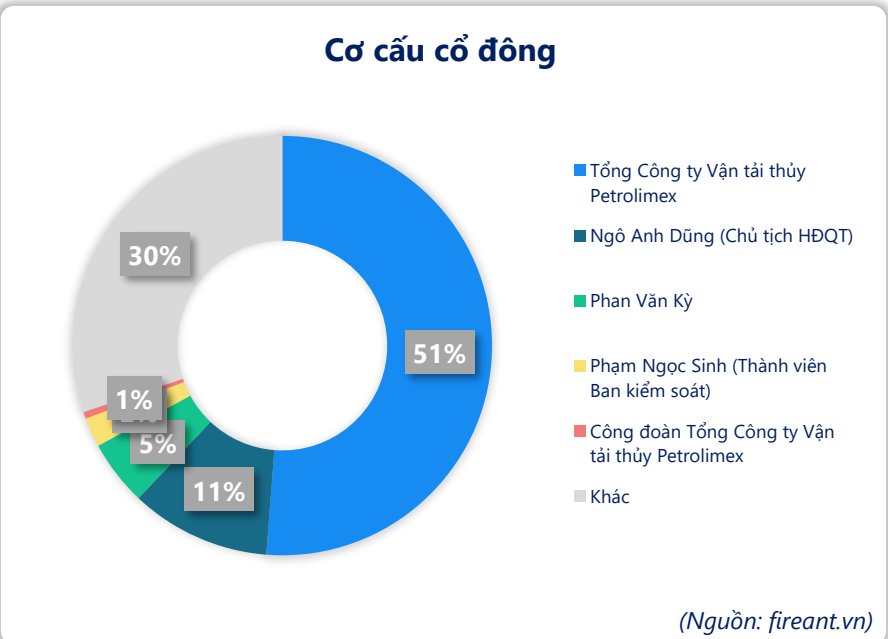
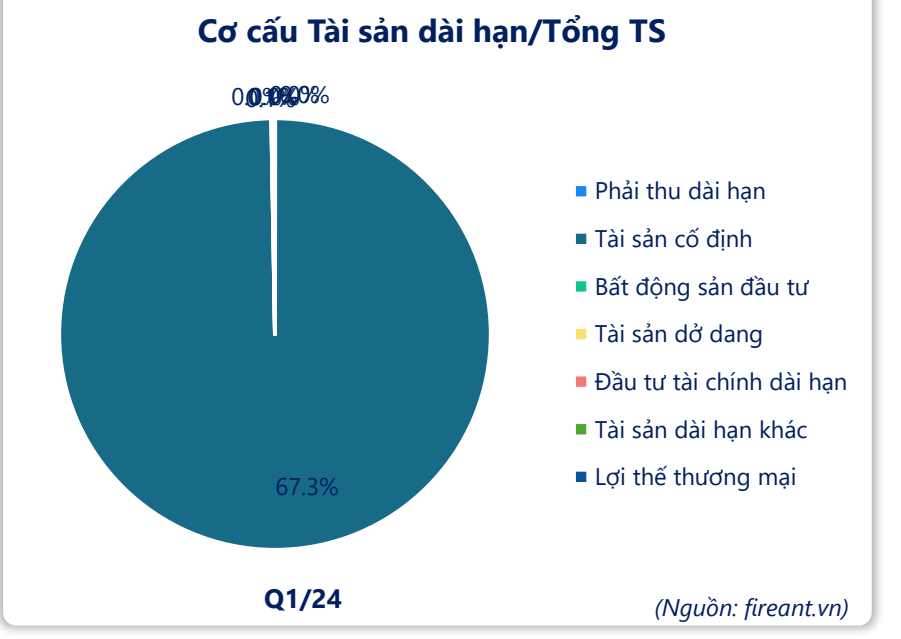
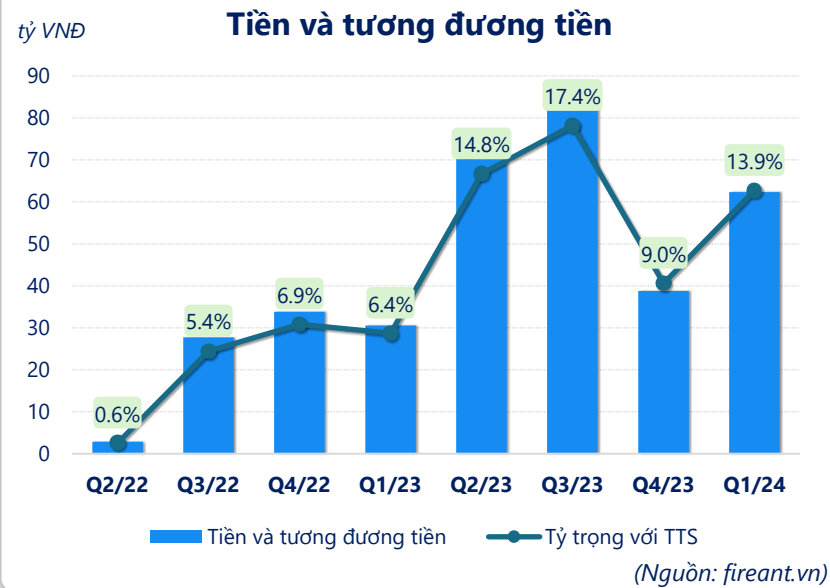
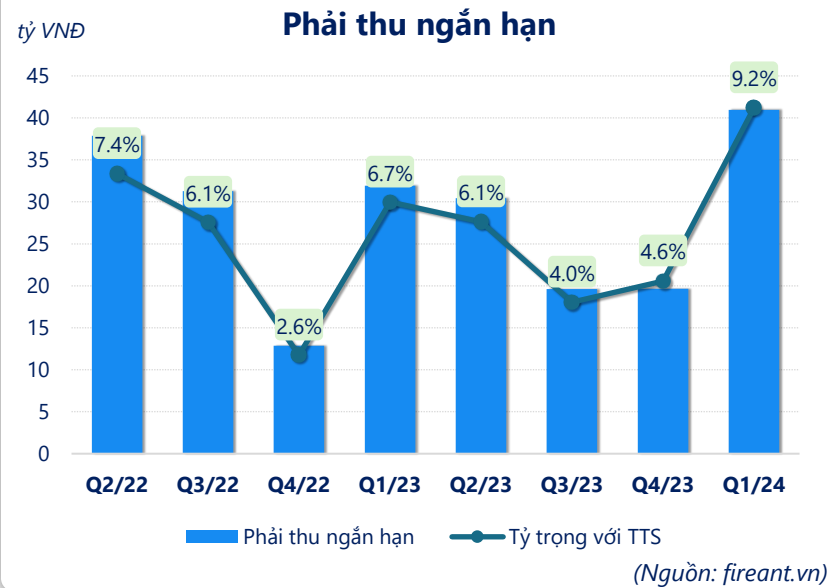
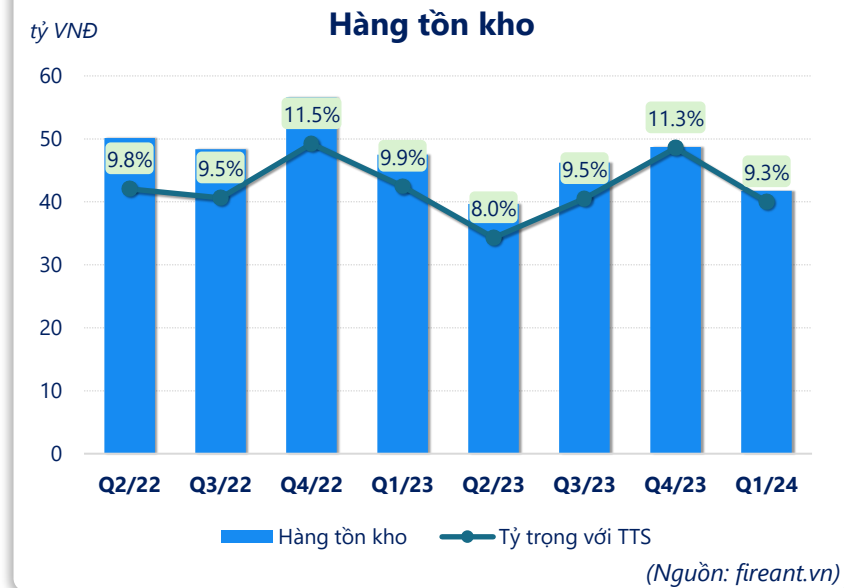
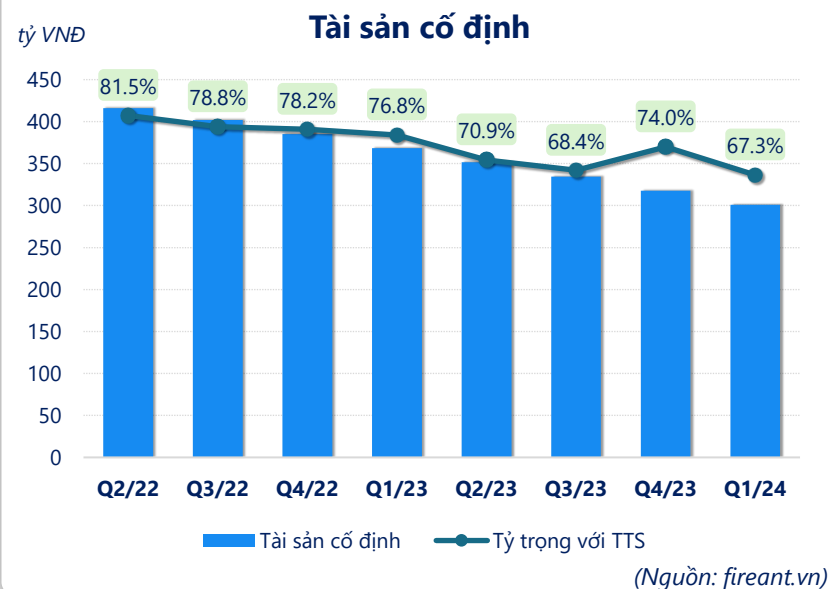
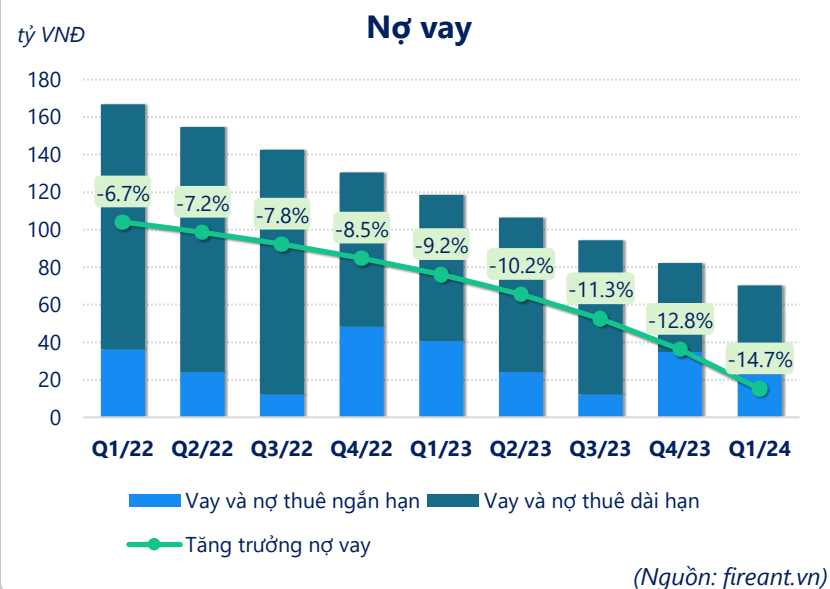
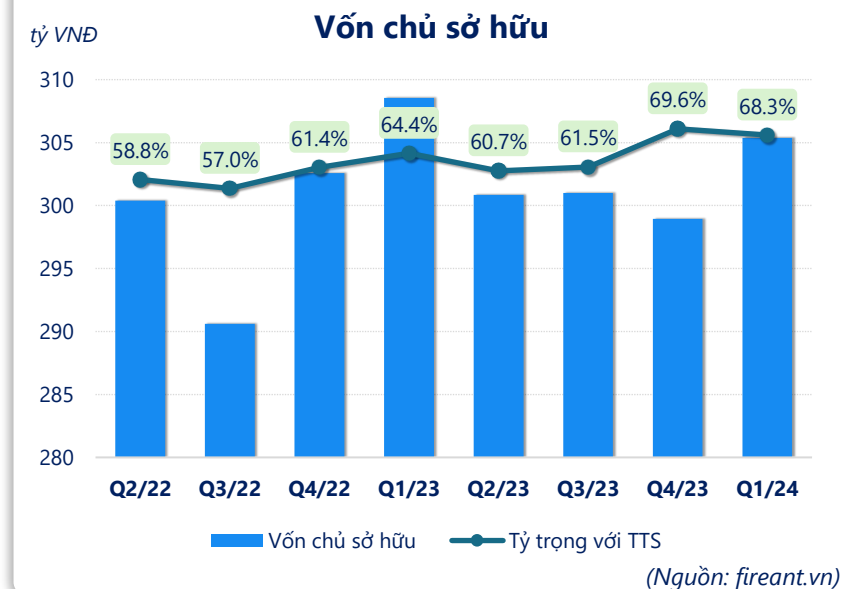
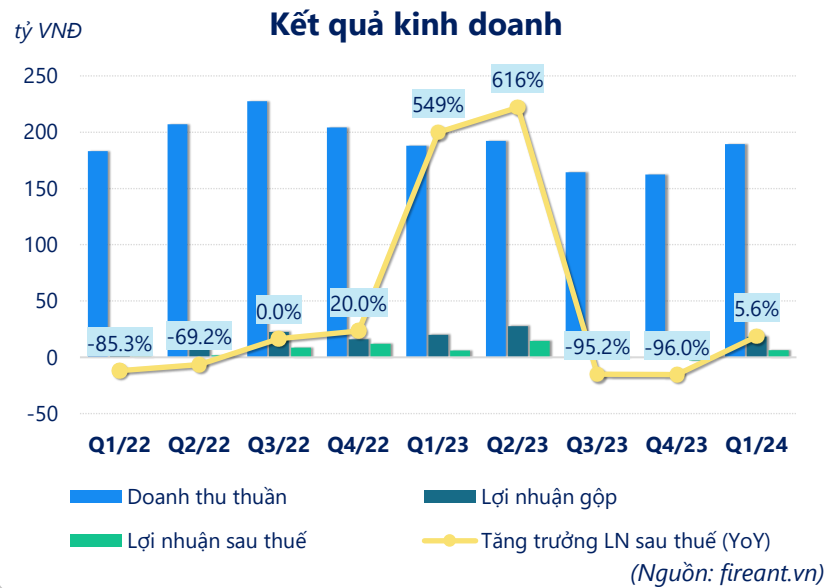
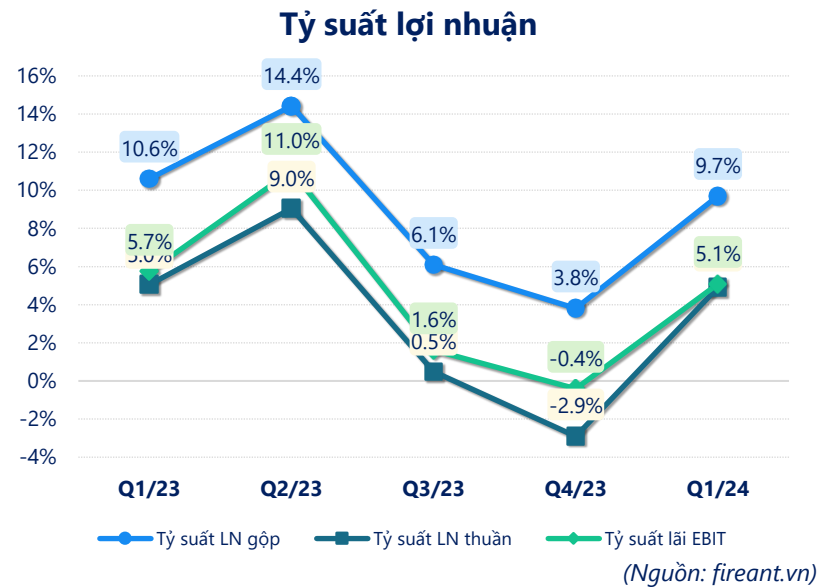
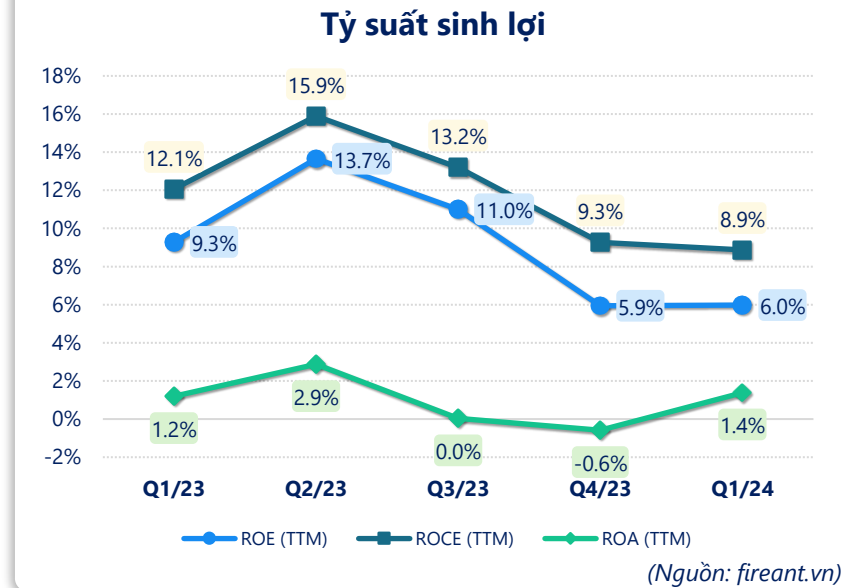
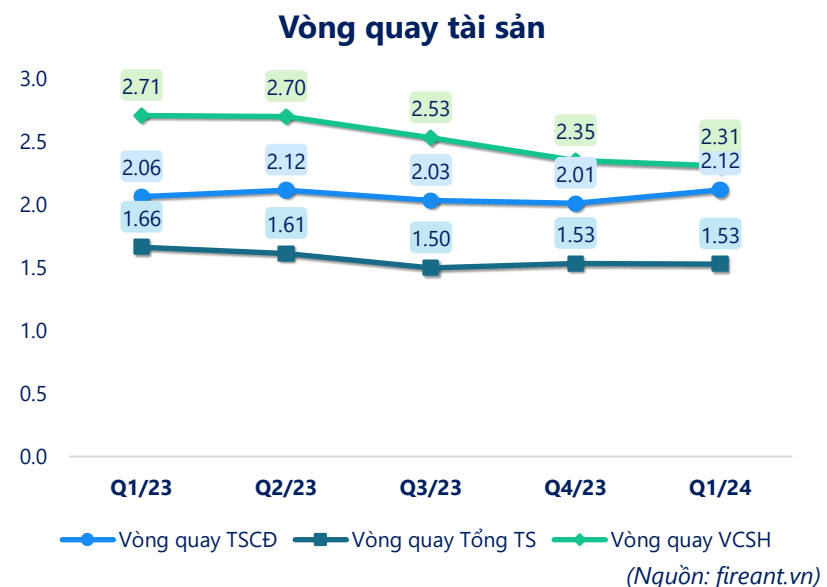
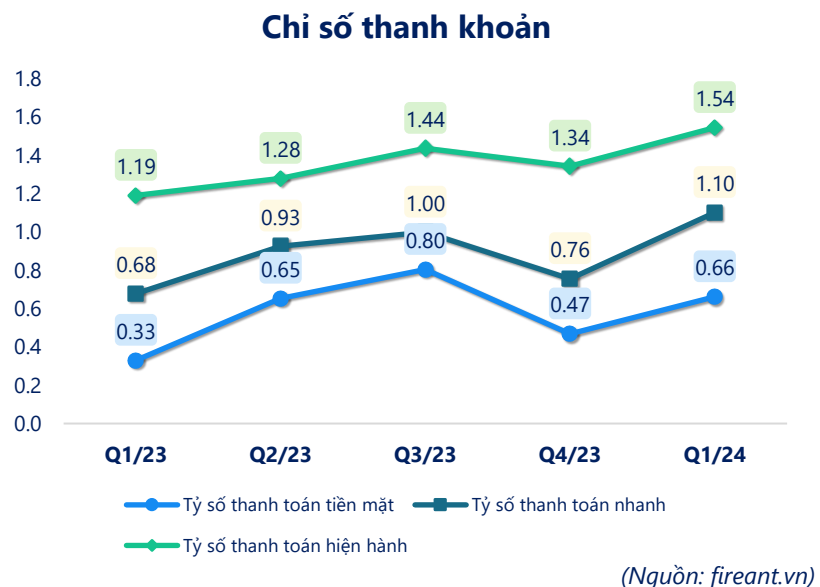
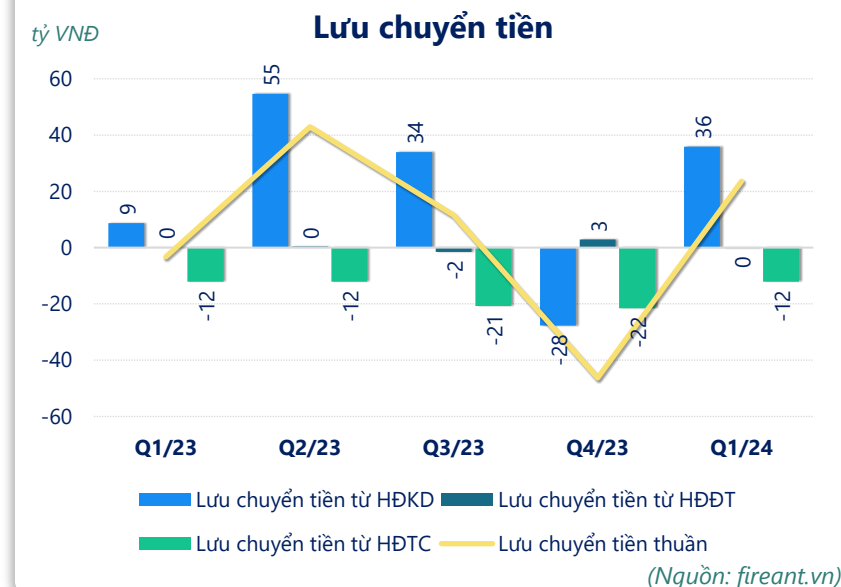


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		10,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,902
SL cổ phiếu LH		23,040,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,386
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		244
P/E		13.3
EPS		797

	YTD	1T	3T	6T
PJT	1.0%	3.9%	1.0%	2.4%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	447	430	4.1%
Tài sản ngắn hạn	146	111	30.7%
Tiền và tương đương tiền	62.3	38.7	60.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	41.0	19.6	109%
Hàng tồn kho	41.8	48.7	-14.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	4.27	-88.6%
Tài sản dài hạn	302	318	-5.2%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	301	318	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.39	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.33	0.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.09	0.11	-17.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	142	131	8.7%
Nợ ngắn hạn	94.2	82.9	13.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.7	34.8	-34.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	33.7	26.6	26.4%
Nợ dài hạn	47.8	47.8	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	47.5	47.5	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	305	299	2.2%
Vốn chủ sở hữu	305	299	2.2%
Vốn điều lệ	230	230	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	188	192	164	162	189
Giá vốn hàng bán	168	164	154	156	171
Lợi nhuận gộp	19.9	27.7	10.0	6.19	18.4
Doanh thu HĐTC	0.08	0.62	0.91	0.52	0.21
Chi phí TC	3.26	3.08	2.39	1.91	1.58
Chi phí lãi vay	3.26	2.96	2.39	1.91	1.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.28	7.87	7.73	9.52	7.74
LN thuần từ HĐKD	9.48	17.4	0.81	-4.72	9.29
Lợi nhuận khác	-1.97	0.83	-0.54	2.15	-1.21
LN trước thuế	7.51	18.2	0.26	-2.57	8.08
Lợi nhuận sau thuế	5.95	14.5	0.15	-2.69	6.44
LNST của CĐ cty mẹ	5.95	14.5	0.15	-2.69	6.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.72	54.6	33.9	-27.7	35.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.12	0.39	-1.58	2.95	-0.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.1	-12.1	-20.7	-21.5	-12.1
Tiền đầu kỳ	33.8	30.6	73.4	85.0	38.7
Lưu chuyển tiền thuần	-3.24	42.9	11.6	-46.3	23.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.04	0	0.04	0
Tiền cuối kỳ	30.6	73.4	85.0	38.7	62.3

(Nguồn: fireant.vn)